

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)  
(Issued in association with Circular 98/2020/TT-BTC on 16 November 2020 guiding operations and management of securities investment funds)

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Ngày 09/04/2026 / As at 09 Apr 2026

1	<b>Tên Công ty Quản lý Quỹ:</b> <i>Fund Management Company:</i>	<b>Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam</b> <i>KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd</i>
2	<b>Tên Ngân hàng Giám sát:</b> <i>Supervising bank:</i>	<b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam</b> <i>Joint Stock Commercial Bank For Foreign Trade of Viet Nam</i>
3	<b>Tên Quỹ ETF:</b> <i>Fund name:</i>	<b>QUỸ ETF KIM GROWTH VNFINSELECT</b> <i>KIM GROWTH VNFINSELECT ETF</i>
4	<b>Mã chứng khoán:</b> <i>Code:</i>	<b>FUEKIVFS</b> <i>FUEKIVFS</i>
5	<b>Ngày lập báo cáo:</b> <i>Reporting date:</i>	<b>10/04/2026</b> <i>10 Apr 2026</i>

Đơn vị tính/ Currency: VND

STT No	CHỈ TIÊU Criteria	Mã số Code	KỲ NÀY THIS PERIOD 09/04/2026	KỲ TRƯỚC LAST PERIOD 08/04/2026
1	<b>Giá trị tài sản ròng / Net asset value</b>			
1.1	<i>Của quỹ ETF/Per Fund</i>		279.721.392.767	281.440.885.216
1.2	<i>Của một lô chứng chỉ quỹ ETF/Per lot of Fund Certificate</i>		1.726.675.263	1.737.289.414
1.3	<i>Của một chứng chỉ quỹ/Per Fund Certificate</i>		17.266,75	17.372,89

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng Giám sát  
*Authorised Representative of Supervisory Bank*



Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

**TRƯỞNG TRUNG TÂM**  
*Võ Trí Thành*

Đại diện có thẩm quyền của Công ty Quản lý Quỹ  
*Authorised Representative of Fund Management Company*



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

**Hyun Dongsik**  
**CHỦ TỊCH HĐQT**